

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH



NGUYỄN ĐÌNH NHƯ HÀ

**DẠY HỌC TIẾNG ANH THEO TIẾP CẬN DỰA VÀO NHIỆM
VỤ TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC**

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ

Chuyên ngành: Giáo dục học
Mã số: 9140101

TP. Hồ Chí Minh, tháng 11 năm 2025

CÔNG TRÌNH ĐƯỢC HOÀN THÀNH TẠI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN ĐÌNH NHƯ HÀ

**DẠY HỌC TIẾNG ANH THEO TIẾP CẬN DỰA VÀO NHIỆM
VỤ TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC**

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ

Người hướng dẫn khoa học 1: GS. TS. Nguyễn Lộc
Người hướng dẫn khoa học 2: TS. Trần Tuyền

Luận án tiến sĩ được bảo vệ trước
HỘI ĐỒNG CHẤM BẢO VỆ LUẬN ÁN TIẾN SĨ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Ngày tháng năm

TP. Hồ Chí Minh, tháng 11 năm 2025

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

STT	Ký hiệu, chữ viết tắt	Viết đầy đủ
1	BGDĐT	Bộ Giáo dục và Đào tạo
2	ĐC	Đối chứng
3	GV	Giảng viên
4	NH	Người học
5	PP	Phương pháp
6	QĐ	Quyết định
7	SV	Sinh viên
8	TA	Tiếng Anh
9	TBA	Tiếp cận dựa vào nhiệm vụ
10	TN	Thực nghiệm
11	TP.HCM	Thành phố Hồ Chí Minh
12	TTg	Thủ tướng

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và chuyển đổi số, năng lực sử dụng tiếng Anh (TA) trở thành yêu cầu cốt lõi đối với nguồn nhân lực chất lượng cao. TA không chỉ là ngôn ngữ quốc tế của giao tiếp và nghiên cứu, mà còn là công cụ tiếp cận tri thức toàn cầu, mở rộng cơ hội học tập, việc làm và hợp tác quốc tế (Agustiana & cộng sự, 2024; Baker, 2024). Đối với Việt Nam, việc nâng cao năng lực TA cho SV không chuyên ngôn ngữ là nhiệm vụ chiến lược trong cải cách giáo dục và hội nhập quốc tế.

Nhà nước đã ban hành nhiều chính sách quan trọng như Quyết định 2080/QĐ-TTg (2017) và Kết luận 91-KL/TW (2024), khẳng định vai trò của ngoại ngữ trong phát triển nhân lực và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia. Tuy nhiên, thực trạng dạy và học TA hiện nay, nhất là ở các lớp TA không chuyên, vẫn còn nhiều hạn chế: SV thiếu động lực, học đối phó, ít cơ hội thực hành; chương trình còn nặng lý thuyết; GV gặp khó khăn trong vận dụng PP dạy học tích cực và thiết kế hoạt động tương tác (Lap & cộng sự, 2025; Phạm Minh Trí & cộng sự, 2022).

Trong bối cảnh đó, tiếp cận dựa vào nhiệm vụ (TBA) được xem là một hướng đi phù hợp trong giảng dạy ngôn ngữ hiện đại. TBA chú trọng phát triển năng lực giao tiếp thông qua nhiệm vụ thực tiễn, lấy NH làm trung tâm, giúp tăng hứng thú học tập và khả năng sử dụng ngôn ngữ tự nhiên (Hu, 2024; Riyawi & Hasibuan, 2025). Mặc dù TBA đã được giới thiệu trong tài liệu đào tạo GV, việc triển khai ở Việt Nam còn rời rạc, thiếu mô hình phù hợp với đặc điểm SV không chuyên TA, và bị cản trở bởi thời lượng hạn chế cùng áp lực đánh giá (Nguyễn Thị Bảo Trang, 2024; Trinh & cộng sự, 2025).

Từ yêu cầu thực tiễn và khoảng trống nghiên cứu đó, luận án **“Dạy học tiếng Anh theo tiếp cận dựa vào nhiệm vụ tại trường đại học”** được lựa chọn nhằm xây dựng và kiểm chứng cấu trúc dạy học TA theo TBA phù hợp với bối cảnh Việt Nam. Nghiên cứu hướng tới đóng góp cả về lý luận và thực tiễn, góp phần nâng cao năng lực ngôn ngữ thực hành của SV và hỗ trợ GV trong đổi mới PP dạy học lấy NH làm trung tâm.

2. Mục tiêu nghiên cứu của đề tài

Nghiên cứu xây dựng và vận dụng cấu trúc dạy học TA theo TBA gồm bốn giai đoạn là khởi động, giới thiệu nhiệm vụ, thực hiện nhiệm vụ và đánh giá nhiệm vụ nhằm góp phần nâng cao kết quả học tập TA của SV không chuyên tại trường đại học.

3. Khách thể và đối tượng nghiên cứu

Khách thể nghiên cứu: dạy học TA không chuyên tại trường đại học

Đối tượng nghiên cứu: dạy học TA không chuyên theo TBA tại trường đại học

4. Nhiệm vụ nghiên cứu

Với những mục tiêu đề ra của đề tài nghiên cứu, nghiên cứu sinh sẽ tiến hành thực hiện các nhiệm vụ chính sau:

Tổng quan các nghiên cứu trong và ngoài nước liên quan đến dạy học TA theo TBA tại trường đại học.

Nghiên cứu cơ sở lý luận về dạy học TA theo TBA trong bối cảnh giáo dục đại học.

Khảo sát và đánh giá thực trạng việc dạy học TA theo TBA tại các trường đại học trên địa bàn TP. HCM.

Xây dựng cấu trúc dạy học TA theo TBA phù hợp với đặc điểm của môn TA không chuyên tại trường đại học.

Tổ chức thực nghiệm sư phạm tại Trường Đại học Nông Lâm TP. HCM để kiểm chứng hiệu quả của cấu trúc dạy học được đề xuất.

5. Phạm vi nghiên cứu

5.1. Nội dung nghiên cứu

Luận án tập trung nghiên cứu về dạy học các môn học TA tổng quát thuộc chương trình TA không chuyên tại các trường đại học trên địa bàn TP. HCM bao gồm Trường Đại học Nông Lâm TP. HCM, Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP. HCM, Trường Đại học Công nghiệp TP. HCM.

5.2. Thời gian nghiên cứu

Luận án đã tiến hành thu thập các dữ liệu nghiên cứu từ năm học 2020-2021 đến năm học 2022-2023.

5.3. Địa bàn nghiên cứu

Địa bàn nghiên cứu thực trạng: các trường đại học trên địa bàn TP. HCM bao gồm Trường Đại học Nông Lâm TP.HCM, Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP.HCM, Trường Đại học Công nghiệp TP.HCM.

Địa bàn tổ chức thực nghiệm: Trường Đại học Nông Lâm TP.HCM.

6. Giả thuyết nghiên cứu

Dạy học TA theo TBA luôn dành được sự quan tâm của các nhà quản lý và GV TA tại các trường đại học và đã đạt được một số kết quả tích cực trong việc thực hiện mục tiêu, nội dung và các điều kiện hỗ trợ; tuy nhiên vẫn còn nhiều hạn chế trong việc tổ chức các hình thức, phương pháp và kiểm tra, đánh giá kết quả việc dạy học TA theo TBA. Nếu áp dụng dạy học TA theo TBA theo bốn giai đoạn là khởi động, giới thiệu nhiệm vụ, thực hiện nhiệm vụ và đánh giá nhiệm vụ, sẽ góp phần cải thiện những hạn chế này và nâng cao kết quả học tập TA của SV không chuyên.

7. Phương pháp nghiên cứu

7.1. Phương pháp luận nghiên cứu

Luận án được xây dựng trên nền tảng phương pháp luận duy vật biện chứng và duy vật lịch sử, xem xét hoạt động dạy học TA như một hệ thống thống nhất và phát

triển, trong đó các yếu tố mục tiêu, nội dung, PP, hình thức tổ chức và đánh giá có mối quan hệ tương tác. Nghiên cứu được định hướng bởi các quan điểm giáo dục hiện đại như hệ thống – cấu trúc, hoạt động, lấy người học làm trung tâm và gắn kết lý luận với thực tiễn. Theo đó, TBA được xem như một chỉnh thể, đảm bảo tính khoa học, logic và khả năng ứng dụng của luận án.

7.2. Nhóm phương pháp thu thập dữ liệu

Phương pháp khảo cứu tài liệu

Việc nghiên cứu lý thuyết được thực hiện nhằm hỗ trợ quá trình thu thập dữ liệu định tính thông qua việc tham khảo và khai thác các văn bản như công văn, đề án, chính sách do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, cùng với các tài liệu học thuật gồm sách, báo, tạp chí trong và ngoài nước, các luận văn, luận án có liên quan đến đề tài. Những tài liệu này được tác giả lựa chọn, phân loại, hệ thống hóa và phân tích một cách khoa học nhằm phục vụ cho việc xây dựng tổng quan nghiên cứu và cơ sở lý luận. Trên nền tảng đó, các khía cạnh lý thuyết về dạy học TA theo TBA được làm rõ và củng cố.

Phương pháp khảo sát bằng phiếu hỏi

Nghiên cứu sử dụng khảo sát bằng bảng hỏi nhằm tìm hiểu nhận thức của GV về dạy học TA theo TBA, ý kiến của GV và SV về thực trạng tổ chức dạy học theo TBA qua các nội dung, hình thức, phương pháp, kiểm tra - đánh giá và điều kiện hỗ trợ. Đồng thời, khảo sát mức độ cần thiết và tính khả thi của việc áp dụng TBA trong dạy học TA tại trường đại học. Khảo sát được thực hiện theo phương pháp chọn mẫu phi xác suất thuận tiện với 45 GV và 450 SV tại ba trường đại học trên địa bàn TP. HCM: Trường Đại học Nông Lâm TP.HCM, Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP.HCM và Trường Đại học Công nghiệp TP.HCM.

Phương pháp phỏng vấn

Phỏng vấn bán cấu trúc được sử dụng nhằm khai thác ý kiến chuyên sâu của GV và SV về việc dạy học TA theo TBA tại trường đại học, tập trung vào thực tiễn triển khai, tính cần thiết và tính khả thi của phương pháp này. Người tham gia phỏng vấn được lựa chọn theo phương pháp chọn mẫu mục đích, dựa trên sự tự nguyện và mức độ liên quan đến hoạt động giảng dạy hoặc học tập theo TBA. Các cuộc phỏng vấn được tiến hành trực tiếp, ghi âm và tổng hợp để phục vụ phân tích nội dung.

Phương pháp thực nghiệm

Nghiên cứu TN được sử dụng nhằm kiểm tra độ tin cậy và tính hiệu quả của cấu trúc dạy học TA theo TBA mà luận án đề xuất. Thực nghiệm được tiến hành với 2 lớp ĐC và 2 lớp TN trong môn TA tổng quát tại Trường Đại học Nông Lâm TP.HCM.

7.3. Phương pháp phân tích dữ liệu

Dữ liệu định lượng thu được từ khảo sát và TN được mã hóa, làm sạch, nhập và xử lý bằng phần mềm SPSS 20. Các phân tích bao gồm: kiểm tra độ tin cậy bằng bảng chỉ số Cronbach's Alpha, phân tích giá trị trung bình, phương sai, độ lệch chuẩn, kiểm định tương quan thứ hạng Spearman và kiểm định T-test để so sánh kết quả giữa

các nhóm. Dữ liệu định tính từ phỏng vấn được chọn lọc, mã hóa, phân nhóm, tạo chủ đề và tổng hợp nhằm diễn giải, bổ sung và làm rõ các kết quả định lượng.

8. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của đề tài

8.1. Ý nghĩa lý luận

Kết quả nghiên cứu của luận án bổ sung và phát triển cơ sở lý luận về dạy học TA theo TBA trong bối cảnh giáo dục đại học Việt Nam. Luận án làm rõ và hệ thống hóa các khái niệm cơ bản như tiếp cận, nhiệm vụ, TBA, dạy học TA tại trường đại học và dạy học TA theo TBA, hình thành hệ thống khái niệm thống nhất phục vụ nghiên cứu và ứng dụng.

Luận án đề xuất cấu trúc dạy học TA theo TBA – một đóng góp quan trọng giúp GV tổ chức hoạt động dạy học hiệu quả hơn; đồng thời xây dựng bộ tiêu chí và quy trình đánh giá năng lực giao tiếp TA của SV theo định hướng TBA, góp phần hoàn thiện lý luận kiểm tra – đánh giá trong dạy học ngoại ngữ.

Bên cạnh đó, kết quả nghiên cứu của luận án cung cấp luận cứ khoa học và dữ liệu tham khảo cho các nghiên cứu tiếp theo trong lĩnh vực giáo dục học và dạy học ngoại ngữ theo định hướng phát triển năng lực giao tiếp.

8.2. Ý nghĩa thực tiễn

Luận án phân tích, đánh giá thực trạng chương trình TA không chuyên tại các trường đại học ở TP. HCM, qua đó xác định các nội dung và điều kiện có thể vận dụng TBA trong dạy học. Trên cơ sở đó, luận án thiết kế kế hoạch bài dạy TA tổng quát theo cấu trúc TBA gồm bốn giai đoạn: khởi động, giới thiệu nhiệm vụ, thực hiện nhiệm vụ và đánh giá nhiệm vụ, đồng thời đề xuất quy trình tổ chức phù hợp với điều kiện giảng dạy hiện nay.

Kết quả thực nghiệm sư phạm cho thấy hiệu quả tích cực và ý nghĩa thực tiễn rõ rệt của dạy học TA theo TBA đối với kết quả học tập và năng lực giao tiếp của SV không chuyên, khẳng định tính khả thi và hiệu quả của cấu trúc đề xuất trong bối cảnh đại học Việt Nam.

Ngoài ra, kết quả nghiên cứu có thể ứng dụng trong đào tạo, bồi dưỡng GV TA và điều chỉnh chương trình TA không chuyên, góp phần hỗ trợ các cơ sở giáo dục đại học đổi mới PP dạy học theo định hướng năng lực và nhiệm vụ.

9. Cấu trúc luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận và khuyến nghị, tài liệu tham khảo, phụ lục, luận án được chia thành 05 chương, bao gồm:

MỞ ĐẦU

Chương 1: Tổng quan nghiên cứu về dạy học tiếng Anh theo tiếp cận dựa vào nhiệm vụ tại trường đại học

Chương 2: Cơ sở lý luận về dạy học tiếng Anh theo tiếp cận dựa vào nhiệm vụ tại trường đại học

Chương 3: Thực trạng dạy học tiếng Anh theo tiếp cận dựa vào nhiệm vụ tại các trường đại học trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh

Chương 4: Thiết kế dạy học tiếng Anh theo tiếp cận dựa vào nhiệm vụ tại trường đại học

Chương 5: Thực nghiệm sư phạm về dạy học tiếng Anh theo tiếp cận dựa vào nhiệm vụ tại trường đại học

CHƯƠNG 1

TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU VỀ DẠY HỌC TIẾNG ANH THEO TIẾP CẬN DỰA VÀO NHIỆM VỤ TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC

1.1. Các tiếp cận trong dạy học tiếng Anh tại trường đại học

Xuất phát từ yêu cầu thực tiễn trong giảng dạy TA và mục tiêu nâng cao năng lực sử dụng TA cho SV, nhiều tiếp cận giảng dạy đã được phát triển nhằm lấy NH làm trung tâm và tăng tính ứng dụng thực tiễn. Các tiếp cận tiêu biểu có thể kể đến như: Nghe–Nói, Giao tiếp, Ngôn ngữ tự nhiên, Từ vựng, và TBA (Richards & Rodgers, 2001). Mỗi tiếp cận mang đặc trưng riêng trong cách tổ chức nội dung và phương pháp truyền đạt, tuy nhiên vẫn tồn tại các hạn chế nhất định trong việc phát triển toàn diện năng lực giao tiếp thực tế của SV. Trong số đó, TBA được đánh giá là phương pháp hiệu quả nhờ vào việc tổ chức các hoạt động ngôn ngữ gắn với nhiệm vụ thực tế, tạo môi trường tương tác tự nhiên, tăng động lực học tập và phát triển năng lực ngữ dụng cho người học (Willis, 1996; Nunan, 2004). Các nghiên cứu gần đây cho thấy TBA phù hợp với xu hướng giáo dục hiện đại khi nhấn mạnh việc học đi đôi với hành, phát triển kỹ năng giải quyết vấn đề và giao tiếp liên văn hóa trong bối cảnh toàn cầu hóa (Ali, 2023; Liu & Guo, 2020).

1.2. Tiếp cận dựa vào nhiệm vụ trong dạy học tiếng Anh tại trường đại học

TBA được hình thành từ nền tảng của phương pháp giao tiếp và các lý thuyết ngôn ngữ xã hội học vào thập niên 1970. Khác với các phương pháp truyền thống chú trọng vào cấu trúc ngôn ngữ, TBA đề cao vai trò trung tâm của SV, khuyến khích họ sử dụng ngôn ngữ đích để giải quyết các nhiệm vụ gắn liền với bối cảnh thực tế (Ellis, 2003; Jeon & Hahn, 2006; Nunan, 2004). Mục tiêu của TBA là phát triển năng lực sử dụng ngôn ngữ một cách tự nhiên, linh hoạt và hiệu quả thông qua tương tác và trải nghiệm trong lớp học và đời sống hàng ngày. So với các phương pháp như Nghe–Nói hay tiếp cận ngôn ngữ tự nhiên, TBA giúp SV thoát khỏi việc học thụ động và ghi nhớ máy móc. Các nhiệm vụ học tập được thiết kế đa dạng, từ đơn giản đến phức tạp, tạo cơ hội để SV phát triển kỹ năng giao tiếp, hợp tác nhóm, tư duy phản biện và năng lực giải quyết vấn đề (Willis, 1996; Long, 2014; Skehan, 1998b). TBA cũng góp phần thúc đẩy động lực học tập, tinh thần tự học và thái độ tích cực của SV đối với môn TA, đồng thời hỗ trợ GV chuyển đổi vai trò từ người giảng giải sang người hướng dẫn, đồng hành trong quá trình học. Những lợi ích thiết thực trên đã khiến TBA ngày càng được áp dụng rộng rãi trong giảng dạy TA tại bậc đại học, đặc biệt trong bối cảnh hội nhập và nhu cầu phát triển năng lực giao tiếp thực tế ngày càng cao (Ali, 2023; Bhandari, 2020; Wen et al., 2021).

1.3. Dạy học tiếng Anh không chuyên tại trường đại học

TA không chuyên là học phần dành cho SV không theo học chuyên ngành ngôn ngữ Anh tại các trường đại học. Theo Yafeng (2008), khái niệm này được giới thiệu

bởi Hutchinson và Waters (1987), chia thành hai nhóm chính: TA tổng quát (General English - GE) và TA chuyên ngành (English for Specific Purposes - ESP). GE hướng đến phát triển các kỹ năng ngôn ngữ cơ bản, trong khi ESP phục vụ cho nhu cầu nghề nghiệp tương lai (Ajideh, 2009). Việc giảng dạy TA không chuyên có vai trò quan trọng trong chương trình đào tạo đại học vì góp phần đáp ứng chuẩn đầu ra, hỗ trợ tiếp cận kiến thức chuyên ngành và nâng cao năng lực hội nhập của SV (Khalil & Eke, 2020; Ghafar, 2022). Các nghiên cứu quốc tế tại Trung Quốc, Ấn Độ, Kazakhstan, Thái Lan và Đức cho thấy TA không chuyên giúp SV cải thiện rõ rệt kỹ năng sử dụng ngôn ngữ, đặc biệt là khả năng giao tiếp và đọc hiểu tài liệu chuyên môn. Tuy nhiên, vẫn còn tồn tại những hạn chế như: thiết kế chương trình chưa sát với thực tế, thiếu cơ hội thực hành, phương pháp giảng dạy chưa phù hợp, và đánh giá chưa toàn diện (Yafeng, 2008; Jamilah, 2015; Nilubol, 2021; Ratajczak, 2021). Tại Việt Nam, nhiều công trình đã đánh giá thực trạng và đề xuất cải tiến chương trình TA không chuyên. Kết quả cho thấy SV có nhu cầu học cao và thái độ tích cực, song vẫn gặp khó khăn về sĩ số lớp học, thời lượng giảng dạy, phương pháp dạy học và hình thức kiểm tra đánh giá (Huỳnh Tấn Lợi & Lê Thị Kim Oanh, 2018; Trần Minh Thành et al., 2020; Nguyễn Duy Khang, 2022). Một số nghiên cứu cũng nhấn mạnh việc áp dụng Khung CEFR đòi hỏi điều chỉnh thời lượng và nội dung chương trình (Phạm Huy Cường, 2022). Nhìn chung, TA không chuyên là thành tố thiết yếu trong đào tạo đại học. Tuy nhiên, để nâng cao hiệu quả dạy và học, các chương trình cần được thiết kế dựa trên nhu cầu thực tiễn của SV, yêu cầu của thị trường lao động, đồng thời chú trọng đổi mới phương pháp dạy học, đa dạng hóa nhiệm vụ học tập và cải thiện hoạt động kiểm tra đánh giá..

1.4. Dạy học tiếng Anh theo tiếp cận dựa vào nhiệm vụ tại trường đại học

Dạy học TA theo TBA đã thu hút sự quan tâm nghiên cứu từ những năm 1970, với nhiều công trình tập trung đánh giá hiệu quả và khả năng ứng dụng trong môi trường giáo dục đại học. Nghiên cứu của Carless (2011) tại Hồng Kông cho thấy GV có thái độ tích cực với TBA, chú trọng vai trò của SV và tăng cường tổ chức các nhiệm vụ giao tiếp, dù gặp khó khăn về thời lượng. Lopes (2004) và Muller (2005) ghi nhận TBA giúp SV cải thiện khả năng sử dụng ngôn ngữ đích trong các tình huống thực tế, ngay cả với SV trình độ thấp. Các nghiên cứu khác như Aljarf (2007), Birjandi & Ahangari (2008), Ortega (2009), Amer (2019) và Bhandari (2020) đều cho thấy TBA cải thiện kỹ năng giao tiếp, vốn từ và sự tự tin của SV trong các hoạt động nhóm, đồng thời khẳng định vai trò của cấu trúc dạy học rõ ràng. Tại Việt Nam, tuy số lượng nghiên cứu còn hạn chế, các tác giả như Lê Văn Canh (2008), Trần Thị Thanh Trúc (2011), Lê Văn Tuyên (2014), Phương Hoàng Yến (2016), Đào Thị Thanh Hào (2017), Chi Đô Na (2017), Trần Trung Nghĩa & Nguyễn Bửu Huân (2018), Cao Thị Hồng Phượng (2018), Lâm Thị Lan Hương et al. (2021), và Trần Tín Nghị (2023) đều khẳng định TBA góp phần tích cực trong nâng cao năng lực TA, đặc biệt kỹ năng giao tiếp và thái độ học tập của SV. Tuy nhiên, một số thách thức được đề cập như: hạn chế về cơ sở vật chất, thời lượng giảng dạy, kỹ năng thiết kế nhiệm vụ của GV, và áp lực từ hình thức kiểm tra – đánh giá. Đặc biệt, nhiều công trình trong và ngoài nước cùng nhấn mạnh sự cần thiết phải cụ thể hóa cấu trúc dạy học theo TBA để đảm bảo tính khả thi và hiệu quả triển khai. Khoảng trống lý luận này chính là nền tảng để luận

án tập trung nghiên cứu, thiết kế và thử nghiệm một mô hình dạy học TA theo TBA phù hợp với đặc điểm của môn TA không chuyên tại các trường đại học ở Việt Nam.

1.5. Khoảng trống nghiên cứu và những vấn đề luận án nghiên cứu

Tổng quan các nghiên cứu trong và ngoài nước cho thấy dạy học TA theo TBA đã được đề cập ở nhiều khía cạnh như cơ sở lý luận, hiệu quả ứng dụng và thái độ người học. Các nghiên cứu quốc tế chủ yếu tập trung vào vai trò của nhiệm vụ trong phát triển năng lực giao tiếp, trong khi ở Việt Nam mới dừng ở mức độ giới thiệu, thử nghiệm hoặc đánh giá cục bộ. Tuy nhiên, các công trình hiện có chưa xây dựng được một cấu trúc dạy học thống nhất và phù hợp với điều kiện giáo dục đại học Việt Nam, đặc biệt trong dạy học TA không chuyên.

Khoảng trống nghiên cứu hiện nay nằm ở thiếu một cấu trúc dạy học TA theo TBA được thiết kế và kiểm chứng có hệ thống, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục đại học và nâng cao năng lực sử dụng ngoại ngữ cho SV không chuyên ngữ. Từ đó, luận án tập trung xây dựng và vận dụng cấu trúc dạy học TA theo TBA dựa trên cơ sở lý luận vững chắc và tính khả thi thực tiễn, nhằm nâng cao chất lượng dạy học TA không chuyên trong các trường đại học Việt Nam.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Trên cơ sở tổng quan các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước, có thể khẳng định rằng dạy học TA theo TBA đã trở thành một xu hướng nổi bật trong giảng dạy NN từ những năm 1970 và không ngừng được mở rộng, cải tiến. Nhiều nghiên cứu đã chứng minh hiệu quả tích cực của TBA trong việc nâng cao năng lực sử dụng ngôn ngữ đích, đặc biệt là năng lực giao tiếp của SV trong các bối cảnh thực tiễn. Cách tiếp cận này tạo điều kiện để SV chủ động sử dụng TA thông qua các nhiệm vụ gắn với đời sống, từ đó phát triển kỹ năng một cách tự nhiên và hiệu quả.

TBA cũng phù hợp với định hướng lấy SV làm trung tâm và phát triển năng lực của chương trình đào tạo hiện đại. Tuy nhiên, trong bối cảnh dạy học TA không chuyên tại Việt Nam, chương trình, nội dung, PP và hình thức đánh giá vẫn chưa thực sự theo kịp yêu cầu đổi mới. SV còn thiếu chủ động, các nhiệm vụ mang tính giao tiếp còn hạn chế, và việc triển khai TBA chủ yếu mới dừng ở mức thử nghiệm nhỏ lẻ, thiếu cấu trúc rõ ràng và khó nhân rộng.

Xuất phát từ khoảng trống đó, luận án hướng đến việc xây dựng và kiểm chứng một cấu trúc dạy học TA theo TBA phù hợp với SV không chuyên tại các trường đại học. Công trình không chỉ hệ thống hóa cơ sở lý luận về TBA và dạy học TA không chuyên, mà còn đề xuất mô hình dạy học cụ thể, có tính khả thi và giá trị ứng dụng thực tiễn, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo TA trong giai đoạn hiện nay.

CHƯƠNG 2

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ DẠY HỌC TIẾNG ANH THEO TIẾP CẬN DỰA VÀO NHIỆM VỤ TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC

2.1. Một số khái niệm liên quan

2.1.1. Tiếp cận dựa vào nhiệm vụ trong dạy học ngôn ngữ

2.1.1.1. Tiếp cận

Tiếp cận là hệ thống những giả định mang tính nền tảng về bản chất của ngôn ngữ và quá trình dạy - học, định hướng cách GV thiết kế nội dung, lựa chọn phương pháp và tổ chức các hoạt động nhằm giải quyết nhiệm vụ học tập.

2.1.1.2. Nhiệm vụ

Nhiệm vụ là một hoạt động cụ thể trong lớp học, nhằm giúp SV sử dụng ngôn ngữ đích để đạt được một mục tiêu giao tiếp rõ ràng, mang tính thực tiễn.

2.1.1.3. Tiếp cận dựa vào nhiệm vụ

Tiếp cận dựa vào nhiệm vụ là quá trình dạy và học ngôn ngữ trong lớp học được tổ chức xoay quanh các nhiệm vụ học tập mang tính thực tiễn, gần gũi với đời sống của SV.

2.1.2. Dạy học tiếng Anh tại trường đại học

Dạy học TA tại trường đại học là quá trình tổ chức các hoạt động giảng dạy nhằm giúp SV phát triển năng lực sử dụng TA phục vụ cho học tập, công việc và giao tiếp trong bối cảnh thực tiễn.

2.1.3. Dạy học tiếng Anh theo tiếp cận dựa vào nhiệm vụ

Dạy học TA theo TBA là quá trình dạy học mà GV căn cứ vào mục tiêu môn học, lựa chọn nội dung phù hợp để thực hiện cấu trúc dạy học theo tiếp cận dựa vào nhiệm vụ, hỗ trợ, điều khiển SV sử dụng các kiến thức thực tiễn vào việc giải quyết các nhiệm vụ học tập thông qua việc sử dụng linh hoạt các phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với điều kiện thực tiễn.

2.2. Nhiệm vụ trong dạy học tiếng Anh theo tiếp cận dựa vào nhiệm vụ tại trường đại học

2.2.1. Cơ sở xác định các loại nhiệm vụ trong dạy học tiếng Anh theo tiếp cận dựa vào nhiệm vụ

Theo Willis (1996), nhiệm vụ là một hoạt động học tập có mục đích rõ ràng, giúp SV rèn luyện kỹ năng sử dụng ngôn ngữ đích thông qua giao tiếp, giải quyết vấn đề và tăng động lực học tập. Khác với bài tập mang tính kiểm soát, nhiệm vụ cho phép SV sử dụng ngôn ngữ một cách tự nhiên và linh hoạt, gắn với thực tiễn cuộc sống. Richards và Rodgers (2001) cho rằng nhiệm vụ là phương tiện để NH sử dụng năng lực ngôn ngữ sẵn có nhằm xử lý các tình huống gần gũi. Ellis (2003) nhấn mạnh rằng để lựa chọn loại nhiệm vụ phù hợp trong TBA, GV cần căn cứ vào trình độ SV, nhu cầu sử dụng ngôn ngữ, chuẩn đầu ra và mức độ nhận thức của SV. Cụ thể, nhiệm vụ cần có tính kế thừa và độ khó tăng dần, phù hợp với lộ trình bài học và năng lực của SV. Các nhiệm vụ hiệu quả thường có mục tiêu rõ ràng, tình huống thực tiễn, yêu cầu SV sử dụng kiến thức ngôn ngữ và hiểu biết xã hội để đạt kết quả cụ thể. Ngoài ra, nhiệm vụ nên tạo khoảng trống giao tiếp, cho phép SV thể hiện quan điểm cá nhân bằng TA. Việc xây dựng nhiệm vụ đúng cách sẽ giúp SV phát triển năng lực sử dụng TA một cách toàn diện và bền vững trong quá trình học tập.

2.2.2. Các dạng nhiệm vụ trong dạy học tiếng Anh theo tiếp cận dựa vào nhiệm vụ

Một số dạng nhiệm vụ của Willis (2007) được lựa chọn đó là: nhiệm vụ liệt kê; nhiệm vụ sắp xếp và phân loại; nhiệm vụ so sánh; nhiệm vụ giải quyết vấn đề; nhiệm vụ giải quyết vấn đề; nhiệm vụ mang tính sáng tạo; nhiệm vụ chia-hợp công việc theo nhóm; nhiệm vụ đưa ra quyết định; nhiệm vụ trao đổi quan điểm.

2.2.3. Cấu trúc của nhiệm vụ trong dạy học tiếng Anh theo tiếp cận dựa vào nhiệm vụ

Theo Willis (2007), việc xác định cấu trúc nhiệm vụ là yếu tố then chốt trong dạy học TA theo TBA. Cấu trúc này gồm ba giai đoạn chính: trước nhiệm vụ, trong nhiệm vụ và sau nhiệm vụ. Mỗi giai đoạn đóng vai trò định hướng và hỗ trợ GV tổ chức hoạt động một cách hợp lý, đồng thời giúp SV chủ động thực hiện nhiệm vụ đúng mục tiêu. Trong giai đoạn đầu, GV hướng dẫn SV làm quen với nhiệm vụ thông qua các hoạt động mẫu. Trong quá trình thực hiện, GV theo dõi tiến độ, hỗ trợ ngôn ngữ và đánh giá khả năng tham gia. Sau nhiệm vụ, SV được tạo cơ hội báo cáo, củng cố kiến thức và đánh giá lại tiến trình học tập. Cấu trúc nhiệm vụ rõ ràng giúp tăng tính tương tác, hiệu quả giảng dạy và phát triển năng lực sử dụng TA một cách tự nhiên và bền vững cho SV.

2.3. Cấu trúc dạy học tiếng Anh theo tiếp cận dựa vào nhiệm vụ tại trường đại học

Trong bối cảnh giảng dạy TA không chuyên tại các trường đại học, việc lựa chọn một cấu trúc dạy học phù hợp đóng vai trò đặc biệt quan trọng nhằm nâng cao năng lực giao tiếp cho SV. Các mô hình như của Prabhu (1987), Willis (1996), Ellis (2003) và Nunan (2004) đều đã đưa ra những cấu trúc dạy học cụ thể, tuy nhiên vẫn tồn tại những hạn chế nhất định khi áp dụng vào lớp học TA tổng quát cho SV không chuyên, đặc biệt về tính khả thi, mức độ cụ thể hóa vai trò GV và SV, cũng như tính gắn kết với nội dung bài học.

Trên cơ sở kế thừa và điều chỉnh mô hình Willis (1996), luận án đề xuất một cấu trúc gồm bốn giai đoạn: khởi động, giới thiệu nhiệm vụ, thực hiện nhiệm vụ và đánh giá nhiệm vụ. Cấu trúc này được sơ đồ hóa nhằm minh họa rõ tiến trình tổ chức bài học, giúp GV dễ dàng triển khai và SV nắm rõ vai trò của mình trong từng giai đoạn. Điểm nhấn của mô hình là khả năng tổ chức linh hoạt các nhiệm vụ gắn với chủ đề bài học, tạo cơ hội để SV sử dụng ngôn ngữ đích trong các tình huống tương tác gần với thực tế, từ đó phát triển kỹ năng nói và năng lực giao tiếp TA một cách tự nhiên, chủ động và hiệu quả hơn trong môi trường lớp học.

2.4. Tổ chức dạy học tiếng Anh theo tiếp cận dựa vào nhiệm vụ tại trường đại học

2.4.1. Chuẩn đầu ra môn học tiếng Anh không chuyên tại trường đại học

Chương trình TA không chuyên tại trình độ đại học ở Việt Nam được xây dựng theo các văn bản quy phạm của Bộ Giáo dục và Đào tạo như Thông tư 01/2014/TT-BGDĐT, Công văn 808/KH-BGDĐT, Công văn 7274/BGDĐT-GDĐH và Quyết định 729/QĐ-BGDĐT. Theo đó, chuẩn đầu ra tối thiểu về năng lực TA đối với SV không chuyên là bậc 3 theo Khung năng lực NN 6 bậc dùng cho Việt Nam. Ở cấp độ này, SV cần có khả năng hiểu nội dung quen thuộc trong học tập và đời sống, xử lý tình huống

giao tiếp cơ bản, viết các văn bản đơn giản, và trình bày ngắn gọn suy nghĩ, trải nghiệm hoặc kế hoạch cá nhân bằng TA. Đây là cơ sở quan trọng để thiết kế chương trình và đánh giá năng lực TA cho SV không chuyên.

2.4.2. Lý thuyết học tập trong dạy học tiếng Anh theo tiếp cận dựa vào nhiệm vụ

Theo Richards và Rodgers (2001), một tiếp cận dạy học luôn được xây dựng từ nền tảng lý thuyết giáo dục. Trong đó, TBA được phát triển từ bốn cơ sở lý thuyết chính: hành vi, nhận thức, kiến tạo và nhân văn (Costa, 2016; Doghan, 2012; Han, 2014; Reimann, 2016). Lý thuyết hành vi nhấn mạnh vai trò của phản hồi và củng cố từ GV giúp SV hình thành thói quen ngôn ngữ qua nhiệm vụ lặp lại. Lý thuyết nhận thức tập trung vào quá trình tư duy của SV khi giải quyết nhiệm vụ, tạo điều kiện phát triển tư duy ngôn ngữ. Lý thuyết kiến tạo xem SV là trung tâm, tận dụng kiến thức sẵn có để xây dựng hiểu biết mới thông qua nhiệm vụ. Trong khi đó, lý thuyết nhân văn đề cao sự tôn trọng và tự do thể hiện cá nhân của SV trong lớp học. Nhờ vào sự kết hợp này, TBA không chỉ nâng cao vai trò trung tâm của SV mà còn tạo ra môi trường học tập linh hoạt, giàu trải nghiệm và phù hợp với bối cảnh giảng dạy TA hiện nay.

2.4.3. Các thành tố dạy học tiếng Anh theo tiếp cận dựa vào nhiệm vụ

2.4.3.1. Mục tiêu dạy học tiếng Anh theo tiếp cận dựa vào nhiệm vụ

Về kiến thức: SV có vốn từ vựng và cấu trúc ngữ pháp liên quan đến các chủ đề quen thuộc trong cuộc sống như gia đình, sở thích, công việc, du lịch, văn hóa – xã hội. SV có khả năng diễn đạt suy nghĩ, giải quyết vấn đề trong các tình huống quen thuộc và không quen thuộc bằng TA.

Về kỹ năng: SV sử dụng được TA một cách tự nhiên, trôi chảy và mạch lạc để trình bày quan điểm, xử lý các tình huống phát sinh trong đời sống.

Về thái độ: SV có ý thức học tập nghiêm túc, chủ động rèn luyện kỹ năng, phát huy tính sáng tạo và tự học; biết ứng dụng kiến thức TA vào thực tiễn, có tinh thần hợp tác và kỷ luật trong học tập.

2.4.3.2. Nội dung dạy học tiếng Anh theo tiếp cận dựa vào nhiệm vụ

Nội dung dạy học TA theo TBA tập trung phát triển năng lực giao tiếp cho SV thông qua các nhiệm vụ gắn với thực tiễn cuộc sống. Theo Ellis (2003), nội dung cốt lõi là giúp SV biết cách sử dụng ngôn ngữ đích để xử lý tình huống giao tiếp. Các thành tố như từ vựng, ngữ pháp, phát âm, chủ đề và nhịp độ giao tiếp cần được xây dựng có hệ thống, phù hợp với các tình huống thường nhật (Richards & Rodgers, 2014). Gan và Leung (2020) nhấn mạnh rằng nội dung cần bám sát đời sống thực tế, trong khi Pan (2024) và Waluyo & Wangdi (2024) đề xuất định hướng nội dung theo mục tiêu nghề nghiệp. Việc thiết kế nội dung theo TBA không chỉ bảo đảm tính ứng dụng mà còn tăng khả năng tiếp thu và vận dụng của SV trong học tập và đời sống hàng ngày.

2.4.3.3. Hình thức dạy học tiếng Anh theo tiếp cận dựa vào nhiệm vụ

Trong dạy học TA theo TBA, các hình thức tổ chức lớp học được triển khai linh hoạt nhằm tạo điều kiện cho SV phát triển năng lực giao tiếp. Một số hình thức phổ biến gồm:

Dạy học cả lớp: GV hướng dẫn, giải thích và giao nhiệm vụ chung cho toàn bộ SV.

Dạy học cá nhân: GV hỗ trợ từng SV theo trình độ và nhu cầu cá nhân.

Dạy học theo nhóm/cặp: SV hợp tác giải quyết nhiệm vụ, phát triển kỹ năng giao tiếp và tư duy cộng đồng.

Dạy học qua hình ảnh/video: giúp SV tiếp cận nội dung thực tiễn, nâng cao nhận thức về ngữ cảnh sử dụng TA.

Dạy học trực tuyến: tạo cơ hội học tập linh hoạt qua mạng Internet, với sự hỗ trợ của công nghệ.

Tham quan: mở rộng vốn hiểu biết và vận dụng vào nhiệm vụ học tập qua trải nghiệm thực tế.

2.4.3.4. Phương pháp dạy học tiếng Anh theo tiếp cận dựa vào nhiệm vụ

Các PP dạy học TA theo TBA cần khuyến khích SV chủ động tham gia và hợp tác giải quyết nhiệm vụ học tập, đồng thời phù hợp với nhu cầu giao tiếp trong công việc tương lai (Murphy, 2003; Richards & Rodgers, 2014). Một số PP hiệu quả gồm:

PP vấn đáp: tổ chức trao đổi để khai thác kiến thức và kinh nghiệm ngôn ngữ từ SV.

PP hoạt động nhóm/cặp: tăng cường tương tác, hỗ trợ SV tự tin sử dụng ngôn ngữ đích.

PP đóng vai: mô phỏng tình huống thực tiễn, tạo cơ hội sử dụng TA lưu loát.

PP phát hiện và giải quyết vấn đề: thúc đẩy tư duy sáng tạo và hứng thú học tập.

PP kể chuyện: trình bày tình huống giao tiếp qua truyện kể giúp SV tiếp cận nội dung dễ dàng hơn.

PP dạy học tình huống: SV sử dụng TA để trình bày và xử lý tình huống cụ thể trong thực tế.

2.4.3.5. Kiểm tra, đánh giá kết quả dạy học tiếng Anh theo tiếp cận dựa vào nhiệm vụ

Đánh giá trong dạy học TA theo TBA là quá trình liên tục, nhằm theo dõi sự tiến bộ và năng lực giải quyết nhiệm vụ của SV (Bachman, 2002; Ellis, 2003). Khác với kiểm tra truyền thống, TBA chú trọng đánh giá năng lực thực tiễn, khả năng phản xạ và vận dụng TA trong bối cảnh đời sống.

Theo Ellis (2003), đánh giá theo TBA gồm ba thành phần: (1) xác định nhiệm vụ kiểm tra dựa trên nội dung học; (2) tổ chức quá trình giải quyết nhiệm vụ với yếu tố thời gian và hợp tác; (3) đo lường năng lực qua đánh giá trực tiếp hoặc dựa trên khung CEFR.

Jackson (2022) đề xuất các tiêu chí đánh giá gồm: ý tưởng, từ vựng, tổ chức, ngữ pháp, phát âm và độ lưu loát. Việc kiểm tra có thể linh hoạt qua bài tập lớn, hoạt động giao tiếp hoặc bài viết tự luận. Đánh giá phải diễn ra xuyên suốt quá trình học và phản ánh đúng khả năng sử dụng TA của SV, qua đó giúp GV điều chỉnh PP và hỗ trợ kịp thời.

2.4.3.6. Các điều kiện hỗ trợ dạy học tiếng Anh theo tiếp cận dựa vào nhiệm vụ

Tiêu chuẩn về GV giảng dạy: Ahmadian và Long (2021) đề xuất một số phẩm chất cần thiết của người GV tham gia dạy học TA theo TBA như là khả năng quản lý lớp học, năng lực xác định và xây dựng nhiệm vụ học tập phù hợp, phán đoán được những khó khăn của SV, kịp thời đưa ra các góp ý cho SV cải thiện việc học.

Tính tự chủ của SV: Aldosari và Alsager (2023) đã chỉ ra ra 5 đặc điểm của người học tự chủ, đó là: (1) SV có các quan niệm về học tập một cách rõ ràng, (2) SV có nhiều cách thức và kỹ năng tiếp cận việc học tập của bản thân, (3) SV có thể tự tổ chức việc học, (4) SV có các kỹ năng xử lý thông tin, (5) SV có động cơ học tập rõ ràng.

Tiêu chuẩn về cơ sở vật chất giảng dạy: việc tổ chức dạy học TA theo TBA được thực hiện tại các phòng học đạt tiêu chuẩn có hỗ trợ các thiết bị: máy chiếu, máy tính kết nối Internet, hệ thống âm thanh, không gian phòng học phù hợp.

2.5. Tầm quan trọng và lợi ích của tiếp cận dựa vào nhiệm vụ trong dạy học tiếng Anh tại trường đại học

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế, TA đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao cơ hội nghề nghiệp và tiếp cận tri thức cho SV. Do đó, lựa chọn PP giảng dạy phù hợp là yếu tố then chốt trong việc phát triển năng lực sử dụng TA. Trong số các PP hiện đại, TBA nổi bật nhờ tạo môi trường học tập lấy SV làm trung tâm, khuyến khích sử dụng ngôn ngữ một cách tự nhiên và hiệu quả (Chen, 2025; Zhou & Shi, 2024). TBA giúp SV rèn luyện kỹ năng giao tiếp thông qua các nhiệm vụ gắn với thực tiễn, tăng hứng thú học tập, tính chủ động và khả năng ứng dụng ngôn ngữ vào cuộc sống (Willis & Willis, 2007; Yu & cộng sự, 2024). Ngoài ra, TBA góp phần phát triển kỹ năng làm việc nhóm, tư duy phản biện và giải quyết vấn đề (Ilamanova, 2025). Việc đánh giá trong TBA phản ánh đúng năng lực ngôn ngữ thông qua quá trình thực hiện nhiệm vụ, thay vì chỉ kiểm tra lý thuyết (Alasal, 2025). Vì vậy, tích hợp TBA vào giảng dạy TA là hướng đi phù hợp để SV phát triển toàn diện kỹ năng giao tiếp và hội nhập hiệu quả.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Chương 2 đã xây dựng cơ sở lý luận toàn diện cho việc dạy học TA theo TBA trong bối cảnh giáo dục đại học tại Việt Nam. Trên cơ sở phân tích và hệ thống hóa các tài liệu trong và ngoài nước, luận án đã xác định các khái niệm then chốt, đặc điểm, thành tố và cấu trúc dạy học TA theo TBA. Những nội dung này tạo nền tảng lý luận vững chắc cho việc khảo sát thực trạng và thiết kế thực nghiệm trong các chương tiếp theo.

Luận án đã đề xuất khái niệm vận dụng về dạy học TA theo TBA phù hợp với điều kiện thực tiễn, nhấn mạnh vai trò điều phối của GV và tính chủ động của SV trong việc giải quyết các nhiệm vụ học tập gắn với mục tiêu môn học và ngữ cảnh thực tiễn. Đồng thời, các loại nhiệm vụ và cấu trúc thực hiện nhiệm vụ cũng được phân tích cụ thể, giúp làm rõ cơ chế phát triển năng lực giao tiếp TA cho SV.

Các thành tố của quá trình dạy học TA theo TBA bao gồm mục tiêu, nội dung, PP, hình thức tổ chức, kiểm tra – đánh giá và điều kiện hỗ trợ, được trình bày như các

tiêu chí cốt lõi để triển khai dạy học theo định hướng phát triển năng lực. Luận án cũng so sánh các mô hình dạy học theo TBA từ các học giả quốc tế và kế thừa cấu trúc của Willis để đề xuất mô hình phù hợp với lớp học TA tổng quát dành cho SV không chuyên.

Cuối cùng, việc lồng ghép các lý thuyết học tập hành vi, nhận thức, kiến tạo và nhân văn đã củng cố cơ sở khoa học cho việc áp dụng TBA, đồng thời làm rõ định hướng lý luận cho quá trình khảo sát và thực nghiệm sau này.

CHƯƠNG 3

THỰC TRẠNG DẠY HỌC TIẾNG ANH THEO TIẾP CẬN DỰA VÀO NHIỆM VỤ TẠI CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

3.1. Khái quát về điều tra khảo sát thực trạng

3.1.1. Mục đích khảo sát

Tìm hiểu thực trạng dạy học TA theo TBA tại các trường đại học công lập trên địa bàn TP. HCM để làm rõ cơ sở thực tiễn, và làm căn cứ cho việc đề xuất cách thiết kế dạy học TA theo TBA.

3.1.2. Nội dung khảo sát thực trạng

Tập trung vào các nội dung chính sau đây:

- Nhận thức của GV về dạy học TA theo TBA tại trường đại học.
- Đánh giá của GV và SV về thực trạng tổ chức dạy học TA theo TBA tại các trường đại học.

3.1.3. Địa bàn khảo sát

Nghiên cứu thực trạng dạy học TA theo TBA tại ba trường đại học: Trường Đại học Nông Lâm TP.HCM, Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP.HCM, Trường Đại học Công nghiệp TP.HCM.

3.1.4. Đối tượng khảo sát

45 GV và 450 SV tại ba trường đại học: Trường Đại học Nông Lâm TP.HCM, Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP.HCM, Trường Đại học Công nghiệp TP.HCM.

3.2. Phương pháp khảo sát và thời gian tiến hành khảo sát

Các phương pháp khảo sát bao gồm: phương pháp khảo sát bằng bảng hỏi, phương pháp phỏng vấn, phương pháp quan sát

Thời gian tiến hành khảo sát được thực hiện trong học kì hè năm học 2022 – 2023.

3.3. Kết quả khảo sát thực trạng

3.3.1. Thực trạng nhận thức của giảng viên về dạy học tiếng Anh theo tiếp cận dựa vào nhiệm vụ tại trường đại học

Kết quả khảo sát về nhận thức của GV về dạy học TA theo TBA có sự phân hóa rõ rệt. Các nội dung được GV đồng tình cao nhất gồm: “SV có cơ hội sử dụng ngôn ngữ đích để giải quyết các nhiệm vụ học tập” (TB=3.65), “Các nhiệm vụ được sử dụng linh hoạt theo từng nội dung bài học” (TB=3.52), và “Nội dung dạy học theo TBA đề cao vai trò trung tâm của SV” (TB=3.44). Trong khi đó, các nội dung liên quan đến lý thuyết học tập và tiêu chí đánh giá có điểm trung bình thấp hơn (TB từ 2.62 đến 2.84). Kết quả kiểm định Spearman cho thấy sự khác biệt về thứ hạng là có ý nghĩa thống kê (Sig. < 0.05). Phỏng vấn sâu với GV cũng ghi nhận sự công nhận về tiềm năng của TBA trong việc phát triển kỹ năng giải quyết vấn đề và tăng cơ hội sử dụng ngôn ngữ đích cho SV. Tuy nhiên, vẫn tồn tại lo ngại về khó khăn khi triển khai và sự phù hợp với trình độ của SV. Kết quả này cho thấy cần tăng cường bồi dưỡng chuyên môn để nâng cao hiểu biết của GV về cơ sở lý luận và kỹ thuật tổ chức dạy học theo TBA.

3.3.2. Thực trạng tổ chức dạy học tiếng Anh theo tiếp cận dựa vào nhiệm vụ tại trường đại học

3.3.2.1. Nội dung dạy học tiếng Anh theo tiếp cận dựa vào nhiệm vụ tại trường đại học

Kết quả khảo sát từ GV và SV cho thấy nội dung dạy học TA hiện nay vẫn thiên về giảng dạy ngữ pháp (TB=3.42 & 3.60), trong khi các yếu tố quan trọng của TBA như phát huy vai trò trung tâm của SV, giảng dạy từ vựng, phát âm và khai thác trải nghiệm thực tế lại ít được chú trọng (TB trung bình từ 2.12 đến 2.59). Kết quả kiểm định Spearman khẳng định sự khác biệt giữa các nội dung là có ý nghĩa thống kê (Sig. < 0.05). Quan sát thực tế 15 tiết dạy cho thấy đa số GV vẫn bám sát giáo trình và tập trung chủ yếu vào bài tập ngữ pháp, đọc hiểu; chỉ 8 tiết có tích hợp nhiệm vụ gắn với trải nghiệm thực tế. Phỏng vấn cũng cho thấy GV và SV nhận thấy sự rời rạc giữa nội dung học và đời sống. Có thể kết luận rằng nội dung dạy học TA theo TBA tại các trường đại học hiện nay còn hình thức, chưa thật sự khuyến khích SV sử dụng ngôn ngữ đích trong bối cảnh thực tiễn. Việc xác định rõ nội dung học gắn với năng lực giao tiếp cần được chú trọng hơn để nâng cao hiệu quả giảng dạy theo TBA.

3.3.2.2. Hình thức tổ chức dạy học tiếng Anh theo tiếp cận dựa vào nhiệm vụ tại trường đại học

Kết quả khảo sát từ GV và SV cho thấy các hình thức dạy học TA theo TBA hiện nay chủ yếu tập trung vào dạy học cả lớp (TB=3.43 & 3.42), theo nhóm (TB=3.44) và qua hình ảnh, video (TB=3.45 & 3.46). Trong khi đó, các hình thức dạy học cá nhân, tham quan và trực tuyến hiếm khi hoặc không bao giờ được triển khai (TB từ 1.72 – 2.52). Kiểm định Spearman xác nhận các thứ hạng có ý nghĩa thống kê (Sig. < 0.05). Quan sát thực tế 15 tiết học cũng phản ánh xu hướng tương tự: GV chủ yếu tổ chức hoạt động cả lớp, theo nhóm và sử dụng hình ảnh hoặc video minh họa, trong đó có 12 tiết có ứng dụng tư liệu đa phương tiện sinh động. Tuy nhiên, việc lạm dụng hình thức truyền đạt tập thể khiến SV ít có cơ hội chủ động tương tác, trải nghiệm thực tế hoặc học theo nhu cầu cá nhân. Có thể thấy rằng hình thức dạy học TA theo TBA hiện nay còn đơn điệu và thiếu sự cá nhân hóa. Việc đa dạng hóa các hình thức tổ chức học tập là cần thiết nhằm phát huy tối đa vai trò trung tâm và trải nghiệm thực tiễn của SV.

3.3.2.3. Phương pháp dạy học tiếng Anh theo tiếp cận dựa vào nhiệm vụ tại trường đại học

Kết quả khảo sát cho thấy GV và SV đánh giá cao việc sử dụng PP vấn đáp (TB=3.50 & 3.47) và hoạt động theo nhóm/cặp (TB=3.52 & 3.50) trong dạy học TA theo TBA. Các PP khác như phát hiện và giải quyết vấn đề, kể chuyện, đóng vai và dạy học tình huống ít được áp dụng (TB từ 2.36 – 2.58). Kiểm định Spearman xác nhận các thứ hạng có ý nghĩa thống kê (Sig. < 0.05). Quan sát thực tế 15 tiết học cho thấy GV chủ yếu đặt câu hỏi nhanh và yêu cầu SV trả lời ngay, khiến SV gặp áp lực và thiếu thời gian suy nghĩ. Dù có tổ chức hoạt động nhóm, GV vẫn phân bổ thời gian chưa hợp lý, khiến SV thường xuyên đề nghị được kéo dài thời gian để hoàn thành nhiệm vụ. Tổng thể, PP dạy học TA theo TBA tại các trường đại học hiện nay vẫn chủ yếu xoay quanh vấn đáp và hoạt động nhóm/cặp. Đây là những PP tuy dễ triển khai nhưng chưa thực sự khai thác được tiềm năng của TBA trong việc phát triển kỹ năng giao tiếp thực tiễn và khả năng sử dụng ngôn ngữ đích của SV.

3.3.2.4. Hình thức kiểm tra, đánh giá trong dạy học tiếng Anh theo tiếp cận dựa vào nhiệm vụ tại trường đại học

Kết quả khảo sát cho thấy GV và SV đều đánh giá hình thức kiểm tra đánh giá chủ yếu là kiểm tra trên giấy (TB = 3.65), trong khi các hình thức như đánh giá quá trình, bài tập lớn và hoạt động giao tiếp chỉ được thực hiện ở mức thấp (TB từ 2.44 đến 2.58). Qua quan sát lớp học và phỏng vấn, có thể thấy rằng GV vẫn còn chú trọng đến đánh giá lý thuyết và chưa khai thác hiệu quả các hình thức đánh giá phù hợp với định hướng giao tiếp của TBA. Việc kiểm tra kỹ năng giao tiếp thường không được thực hiện đầy đủ và thiếu phản hồi chi tiết. Điều này cho thấy cần có sự thay đổi trong thiết kế hoạt động kiểm tra đánh giá để phản ánh chính xác năng lực sử dụng TA của SV và hỗ trợ quá trình học tập hiệu quả hơn.

3.3.2.5. Các điều kiện hỗ trợ cho việc tổ chức dạy học tiếng Anh theo tiếp cận dựa vào nhiệm vụ tại trường đại học

Kết quả khảo sát cho thấy GV và SV đều đánh giá tích cực về đội ngũ GV và cơ sở vật chất phục vụ cho dạy học TA theo TBA. Các tiêu chí như kiến thức chuyên môn, khả năng kết nối hoạt động lớp học, thái độ gần gũi của GV và hệ thống thiết bị giảng dạy đều được đồng thuận ở mức cao. Tuy nhiên, cả GV và SV đều cho rằng GV chưa thực sự chú trọng đến việc đưa ra góp ý kịp thời và cụ thể cho SV trong quá trình học. Về phía người học, mặc dù SV có hứng thú với môn học và nền tảng kiến thức tương đối tốt, nhưng khả năng thể hiện tính tự chủ trong lớp học vẫn còn hạn chế, thể hiện ở việc ít phát biểu, ít chia sẻ quan điểm và chưa chủ động sử dụng ngôn ngữ đích. Các điều kiện về không gian lớp học, thư viện, hệ thống internet và phòng chức năng được đánh giá tích cực, góp phần hỗ trợ hiệu quả cho hoạt động dạy học. Kết quả khảo sát cho thấy việc phát huy hiệu quả các điều kiện sẵn có cần đi kèm với việc lựa chọn phương pháp và tổ chức hoạt động phù hợp để tăng cường tương tác, phản hồi và tính chủ động của SV trong học tập.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

Trên cơ sở phân tích dữ liệu từ khảo sát, phỏng vấn và dự giờ tại ba trường đại học, chương này đã phác họa toàn cảnh thực trạng dạy học TA theo TBA. Kết quả cho

thấy GV bước đầu nhận thức được vai trò trung tâm của SV, tầm quan trọng của việc sử dụng ngôn ngữ đích và tính linh hoạt trong tổ chức hoạt động học. Tuy nhiên, các yếu tố then chốt như thiết kế nhiệm vụ, giao tiếp thực tiễn, phản hồi quá trình và đánh giá vẫn chưa được triển khai đầy đủ.

Nội dung giảng dạy vẫn nghiêng về ngữ pháp và từ vựng, chưa phát huy được tính ứng dụng và trải nghiệm ngôn ngữ trong ngữ cảnh giao tiếp. Hình thức dạy học còn nặng tính truyền thống, thiếu tính cá nhân hóa, trong khi các PP tích cực như đóng vai, xử lý tình huống hay kể chuyện ít được sử dụng. Việc kiểm tra – đánh giá chủ yếu theo hình thức viết, chưa phản ánh đúng năng lực giao tiếp của SV, cũng như chưa hỗ trợ GV điều chỉnh hoạt động dạy học hiệu quả.

Các điều kiện hỗ trợ về GV, SV và cơ sở vật chất cơ bản đáp ứng yêu cầu triển khai TBA. Tuy vậy, SV vẫn thiếu tự chủ, thụ động và ít linh hoạt trong sử dụng ngôn ngữ đích. Kết quả dự giờ cho thấy sự cần thiết của một quy trình dạy học rõ ràng, có định hướng, nhằm tạo môi trường thực tiễn cho SV sử dụng ngôn ngữ một cách chủ động.

Những dữ liệu thực tiễn thu thập được đã cung cấp cơ sở vững chắc cho việc đề xuất thiết kế dạy học TA theo TBA, góp phần khắc phục hạn chế của các PP truyền thống và nâng cao chất lượng dạy học TA cho SV không chuyên.

CHƯƠNG 4

THIẾT KẾ DẠY HỌC TIẾNG ANH THEO TIẾP CẬN DỰA VÀO NHIỆM VỤ TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC

4.1. Đặc điểm môn học Tiếng Anh không chuyên tại trường đại học

4.1.1. Đặc điểm

Chương trình TA không chuyên ở bậc đại học gồm 14 tín chỉ theo quy định khung, tuy nhiên thời lượng có thể điều chỉnh tùy theo từng trường. Chương trình gồm hai hệ: ngành ngôn ngữ Anh và TA không chuyên. Trong đó, TA không chuyên được tổ chức như một môn học bắt buộc, gồm TA tổng quát và TA chuyên ngành. Tại ba trường khảo sát, TA tổng quát được chia thành hai học phần: TA 1 và TA 2. Môn học này tập trung vào phát triển kỹ năng TA, đặc biệt là năng lực giao tiếp, nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra và giúp SV thích nghi với môi trường học tập và làm việc sau khi tốt nghiệp.

4.1.2. Chuẩn đầu ra môn học

Việc giảng dạy môn TA tổng quát nhằm giúp SV không chuyên đạt trình độ tối thiểu B1 theo Khung tham chiếu trình độ ngôn ngữ chung Châu Âu. Chuẩn đầu ra môn học bao gồm kiến thức ngữ pháp, từ vựng, kỹ năng nghe, nói, đọc, viết và năng lực giao tiếp trong bối cảnh thực tiễn. Nội dung và phương pháp dạy học được thiết kế theo hướng lấy SV làm trung tâm, chú trọng đến các chủ đề quen thuộc trong đời sống hằng ngày và các tình huống trong môi trường làm việc, nhằm giúp SV sử dụng TA một cách hiệu quả và linh hoạt.

4.1.3. Nội dung môn học

Chương trình môn TA tổng quát tại ba trường đại học được thiết kế thống nhất về mục tiêu, nội dung và giáo trình, với định hướng phát triển năng lực giao tiếp cho SV. Giáo trình Life được sử dụng cho cả TA 1 và TA 2, tích hợp kiến thức ngôn ngữ với ngữ cảnh thực tiễn. Nội dung môn học thể hiện rõ các đặc điểm phù hợp với TBA như tính cụ thể, ứng dụng, kế thừa và giao tiếp. Các chủ đề gần gũi với đời sống SV, gắn với ngữ cảnh học tập và nghề nghiệp giúp GV dễ dàng thiết kế nhiệm vụ phù hợp. Nhờ đó, chương trình có tiềm năng lớn để triển khai dạy học theo TBA một cách hiệu quả trong thực tiễn.

4.2. Mối quan hệ giữa việc vận dụng cấu trúc dạy học tiếng Anh theo tiếp cận dựa vào nhiệm vụ với sự phát triển năng lực tiếng Anh của sinh viên

Cấu trúc dạy học TA theo TBA được xây dựng gồm bốn giai đoạn: khởi động, giới thiệu nhiệm vụ, thực hiện nhiệm vụ và đánh giá nhiệm vụ. Các giai đoạn này được thiết kế theo hướng sư phạm rõ ràng, nhằm phát huy vai trò trung tâm của SV trong quá trình sử dụng ngôn ngữ đích. Thông qua việc tổ chức nhiệm vụ theo từng bước cụ thể như chuẩn bị, thực hiện và báo cáo, SV được phát triển các năng lực quan trọng như tự chủ, giao tiếp, hợp tác và giải quyết vấn đề. Cấu trúc này góp phần tạo nên một môi trường học tập tích cực, giúp SV sử dụng TA một cách linh hoạt và hiệu quả trong ngữ cảnh thực tiễn.

4.3. Lập kế hoạch dạy học tiếng Anh theo tiếp cận dựa vào nhiệm vụ

4.3.1. Nguyên tắc tổ chức dạy học tiếng Anh theo tiếp cận dựa vào nhiệm vụ

Các nguyên tắc triển khai dạy học TA theo TBA cần đảm bảo các yêu cầu cơ bản như: định hướng mục tiêu trang bị kiến thức và kỹ năng sử dụng ngôn ngữ đích cho SV; kết nối lý thuyết với thực hành nhằm phát triển năng lực giao tiếp; phát huy tính chủ động và sáng tạo trong học tập; bảo đảm tính vừa sức trong tổ chức nhiệm vụ; và gắn với các tình huống thực tiễn. TBA tạo điều kiện để SV tiếp thu kiến thức theo trình tự hợp lý, sử dụng ngôn ngữ một cách tự nhiên và linh hoạt, từ đó nâng cao hiệu quả học tập và khả năng thích nghi với môi trường làm việc trong tương lai.

4.3.2. Xác định nội dung môn học tiếng Anh tổng quát có thể dạy theo tiếp cận dựa vào nhiệm vụ

Để phù hợp với mục tiêu nghiên cứu, các nội dung trong môn học TA tổng quát đã được phân tích và lựa chọn nhằm tổ chức dạy học theo TBA. Từng bài học được xác định rõ mục tiêu kiến thức, kỹ năng cần đạt và dạng nhiệm vụ tương ứng. Các nhiệm vụ thiết kế theo hướng giao tiếp, giải quyết vấn đề, chia nhóm, sáng tạo và hợp tác, giúp SV rèn luyện kỹ năng ngôn ngữ trong ngữ cảnh thực tiễn. Đây là cơ sở quan trọng để triển khai dạy học TA theo TBA một cách hiệu quả.

4.3.3. Thiết kế minh họa dạy học tiếng Anh theo tiếp cận dựa vào nhiệm vụ

Thiết kế minh họa việc vận dụng cấu trúc dạy học theo TBA với bài 3: Transports, Lesson 3A; và bài 5: The environment, Lesson 5A.

4.4. Tổ chức đánh giá việc dạy học tiếng Anh theo tiếp cận dựa vào nhiệm vụ

Việc thiết kế bộ tiêu chí và bảng kiểm đánh giá năng lực thực hiện nhiệm vụ góp phần đảm bảo tính khả thi và hiệu quả trong việc triển khai dạy học TA theo TBA.

Các tiêu chí phản ánh đầy đủ các kỹ năng ngôn ngữ cần thiết, đặc biệt là kỹ năng nói trong ngữ cảnh thực tiễn. Thang đánh giá năm bậc và bảng kiểm giúp GV dễ dàng theo dõi, đánh giá và điều chỉnh hoạt động dạy học phù hợp với năng lực của SV. Đây là cơ sở quan trọng để nâng cao chất lượng giảng dạy TA không chuyên trong nhà trường.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 4

Luận án đã xây dựng và trình bày chi tiết cấu trúc dạy học TA theo TBA dành cho SV không chuyên tại các trường đại học. Dựa trên đặc điểm môn TA tổng quát, giáo trình, chương trình giảng dạy, chuẩn đầu ra và nhu cầu thực tiễn của SV, cấu trúc dạy học được xác lập gồm bốn giai đoạn: khởi động, giới thiệu nhiệm vụ, thực hiện nhiệm vụ và đánh giá nhiệm vụ.

Cấu trúc này được thiết kế phù hợp với các chủ đề trong giáo trình Life A2–B1, minh họa qua hai đơn vị bài học thuộc học phần TA 1 (Unit 3: Transports) và TA 2 (Unit 5: The Environment). Các nhiệm vụ học tập được triển khai giúp SV phát triển năng lực sử dụng ngôn ngữ đích trong các tình huống thực tiễn.

Bên cạnh đó, luận án đề xuất hệ thống tiêu chí và bảng kiểm đánh giá năng lực thực hiện nhiệm vụ của SV, dựa trên Khung CEFR và tiêu chí của Jackson (2022). Các tiêu chí đánh giá gồm: ý tưởng, từ vựng, tổ chức ý, ngữ pháp, phát âm và độ lưu loát. Việc áp dụng hệ thống này hỗ trợ GV theo dõi quá trình học tập và đánh giá khách quan hơn năng lực giao tiếp của SV.

Từ các phân tích lý luận và thực tiễn, có thể khẳng định việc thiết kế dạy học TA theo TBA là khả thi, phù hợp với định hướng đổi mới giáo dục đại học và tạo tiền đề vững chắc cho quá trình TN trình bày ở chương tiếp theo.

CHƯƠNG 5

THỰC NGHIỆM SƯ PHẠM VỀ DẠY HỌC TIẾNG ANH THEO TIẾP CẬN DƯA VÀO NHIỆM VỤ TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC

5.1. Triển khai thực nghiệm

5.1.1. Mục đích thực nghiệm

Tiến hành TN sư phạm về dạy học TA theo TBA nhằm mục đích chứng minh tính hiệu quả, và khả thi của dạy học TA theo TBA theo bốn giai đoạn (khởi động, giới thiệu nhiệm vụ, thực hiện nhiệm vụ, đánh giá nhiệm vụ).

5.1.2. Giả thuyết thực nghiệm

Nếu vận dụng cấu trúc dạy học theo TBA vào môn học TA tổng quát thì kết quả học tập TA của SV không chuyên sẽ được nâng cao.

5.1.3. Đối tượng và quy mô thực nghiệm

Đối tượng TN gồm 120 SV các lớp TA tổng quát (TA1 và TA2) tại Trường Đại học Nông Lâm TP.HCM, được chia ngẫu nhiên thành hai nhóm TN và ĐC. Các nhóm đảm bảo tương đương về sĩ số, độ tuổi và trình độ đầu vào. GV giảng dạy đều có trình độ từ thạc sĩ và giàu kinh nghiệm. TN được thực hiện trong điều kiện học tập bình thường, không can thiệp ngoại lệ, từ 07/09/2023 đến 30/11/2023.

5.1.4. Nội dung thực nghiệm

Tại thời điểm TN, luận án triển khai thiết kế dạy học TA theo TBA trong 8 bài (4 bài TA1, 4 bài TA2), tương ứng với 8 unit trong đề cương chi tiết.

Nhóm TN: Học theo cấu trúc TBA (xem mục 2.3.5), giáo án trình bày tại Phụ lục 11. Các nhiệm vụ học tập chủ yếu rèn luyện kỹ năng nói trong bối cảnh giao tiếp thực tiễn.

Nhóm ĐC: Học theo PP truyền thống, tập trung giảng giải ngữ pháp, từ vựng, làm bài tập trong giáo trình; ít tổ chức nhiệm vụ mang tính giao tiếp.

5.1.5. Tiến trình thực nghiệm

Giai đoạn 1 – Chuẩn bị: TN tiến hành với 120 SV học TA1 và TA2 tại Trường ĐH Nông Lâm TP.HCM. NCS xây dựng giáo án TBA cho nhóm TN, thiết kế 3 bài kiểm tra kỹ năng nói (Phụ lục 6–8) và bảng tiêu chí đánh giá theo 5 mức. GV được tập huấn về TBA và tiêu chí chấm điểm.

Giai đoạn 2 – Triển khai: Dạy học diễn ra trong điều kiện bình thường, không thay đổi giáo trình hay thời lượng. Nhóm TN học theo TBA, nhóm ĐC theo PP truyền thống. Kiểm tra kỹ năng nói tổ chức 3 lần (trước–giữa–sau TN), bài nói được 2 GV độc lập (không giảng dạy lớp TN/ĐC) chấm theo bảng tiêu chí.

Giai đoạn 3 – Xử lý kết quả: Dữ liệu được phân tích bằng SPSS và Excel với các chỉ số như điểm trung bình, độ lệch chuẩn và kiểm định thống kê nhằm đánh giá hiệu quả, tính khả thi của TBA ở cả TA1 và TA2.

5.1.6. Công cụ và phương pháp đánh giá kết quả thực nghiệm

5.1.4.1. Công cụ đánh giá

Các bài kiểm tra trước và sau thực nghiệm

5.1.4.2. Phương pháp đánh giá

Đánh giá định tính: đánh giá năng lực TA của SV theo các mức độ: Thành thạo, Cao cấp, Trung cấp, Sơ cấp và Căn bản

Đánh giá định lượng: được quy đổi từ kết quả đánh giá định tính.

5.2. Chuẩn bị kế hoạch dạy học thực nghiệm

5.2.1. Thiết kế giáo án bài dạy thực nghiệm

Sau khi xác định nội dung môn học TA tổng quát (TA 1, TA 2) gồm 8 bài, Luận án tiến hành xây dựng 8 giáo án bài dạy thực nghiệm (Phụ lục 11) để giúp các GV tham gia thực nghiệm tiến hành tổ chức giảng dạy.

5.2.2. Đánh giá cấu trúc dạy học tiếng Anh theo tiếp cận dựa vào nhiệm vụ thông qua việc xin ý kiến của chuyên gia

Kết quả khảo sát cho thấy rằng hầu hết các chuyên gia đều đánh giá cao tính cần thiết và khả thi khi sử dụng cấu trúc dạy học TA theo TBA. Ngoài ra, các chuyên gia cũng đưa ra một số quan điểm về tính khả thi của cấu trúc dạy học TA theo TBA.

5.3. Phân tích kết quả thực nghiệm

5.3.1. Đánh giá định lượng về kết quả của nhóm đối chứng và nhóm thực nghiệm trước khi có tác động sư phạm

Một bài kiểm tra đầu vào được thiết kế nhằm đánh giá năng lực TA của SV hai nhóm TN và ĐC (Phụ lục 6). Kết quả cho thấy điểm trung bình của nhóm TN là 5.08, nhóm ĐC là 5.12 (Bảng 5.6), với mức chênh lệch không đáng kể. Phân bố điểm số của hai nhóm gần như tương đồng, thể hiện rõ qua đường lũy tích điểm (Hình 5.1).

Kiểm định T-test cho thấy $\text{Sig.} = 0.402 > 0.05$, chứng tỏ không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về trình độ đầu vào giữa hai nhóm (Bảng 5.7). Điều này xác nhận tính tương đương về năng lực TA, đảm bảo độ tin cậy cho việc triển khai TN.

5.3.2. Đánh giá định lượng về kết quả của nhóm đối chứng và nhóm thực nghiệm sau khi có tác động sư phạm

**** Kết quả điểm kiểm tra lần hai sau khi có tác động sư phạm***

Sau khi xác nhận hai nhóm TN và ĐC có trình độ đầu vào tương đương, nhóm TN được giảng dạy theo TBA, nhóm ĐC theo PP truyền thống. Kết quả kiểm tra giữa kỳ cho thấy điểm trung bình của nhóm TN tăng từ 5.08 lên 5.72, trong khi nhóm ĐC tăng nhẹ từ 5.12 lên 5.23 (Bảng 5.8). Hệ số tương quan trong hai lần kiểm tra ở nhóm TN là 0.72 ($\text{Sig.} = 0.000$), chứng tỏ có sự khác biệt rõ rệt. Ở nhóm ĐC, $\text{Sig.} = 0.260$, không có khác biệt đáng kể.

Kiểm định T-test giữa hai nhóm ở lần kiểm tra thứ hai cho thấy $\text{Sig.} = 0.005 < 0.05$ (Bảng 5.9), khẳng định tác động sư phạm từ việc áp dụng TBA đã mang lại sự cải thiện đáng kể trong năng lực TA của nhóm TN. Hình 5.2 minh họa xu hướng tăng rõ rệt của nhóm TN so với nhóm ĐC.

**** Kết quả điểm kiểm tra lần ba sau khi có tác động sư phạm***

Kết quả kiểm tra lần ba tiếp tục cho thấy sự khác biệt rõ rệt giữa hai nhóm TN và ĐC. Cụ thể, điểm trung bình của nhóm TN là 6.32, cao hơn đáng kể so với nhóm ĐC là 5.55 (Bảng 5.10). Kiểm định T-test giữa hai nhóm cho kết quả $\text{Sig.} = 0.000 < 0.05$ (Bảng 5.11), khẳng định có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về kết quả học tập giữa hai nhóm sau tác động sư phạm.

So sánh điểm trung bình giữa lần hai và lần ba, nhóm TN có mức tăng 0.6 điểm và nhóm ĐC tăng 0.32 điểm (Bảng 5.12). Hệ số tương quan cặp ở cả hai nhóm đều cao ($\text{TN} = 0.856$; $\text{ĐC} = 0.802$) và đều có ý nghĩa thống kê ($\text{Sig.} = 0.000$), cho thấy điểm số giữa hai lần kiểm tra có sự tương quan thuận.

Hình 5.3 minh họa rõ sự chênh lệch khi đường biểu đồ của nhóm TN có xu hướng dịch về phía phải, trong khi nhóm ĐC nghiêng về trái. Điều này cho thấy tác động của việc áp dụng TBA đã giúp SV nhóm TN cải thiện rõ rệt năng lực TA so với nhóm ĐC học theo PP truyền thống.

5.3.3. Đánh giá định tính sau thực nghiệm của hai nhóm thực nghiệm và đối chứng

Kết quả định tính thu thập từ GV giảng dạy lớp TN cho thấy nhiều chuyển biến tích cực về thái độ học tập, mức độ tự tin và năng lực sử dụng TA của SV sau thực nghiệm. SV tích cực tham gia các nhiệm vụ, chủ động hợp tác, phản hồi nhanh và có xu hướng mở rộng chủ đề trong giao tiếp. Một số SV còn tự đề xuất ý tưởng trình bày

sáng tạo hoặc xung phong thể hiện để vượt qua nỗi sợ nói trước đám đông. Bên cạnh đó, SV chủ động chuẩn bị bài, tìm tài liệu, luyện tập ngoài giờ và có tinh thần trách nhiệm cao hơn trong hoạt động nhóm. Kết quả bài kiểm tra kỹ năng nói cũng phản ánh rõ sự tiến bộ của SV nhóm TN, với khả năng sử dụng ngôn ngữ linh hoạt, lập luận rõ ràng, gắn kết thực tiễn và diễn đạt lưu loát hơn. Trong khi đó, SV nhóm ĐC vẫn còn lúng túng khi xử lý nhiệm vụ, phản xạ yếu, ít liên hệ thực tế và thường mắc lỗi khi diễn đạt ý tưởng. Điều này cho thấy việc áp dụng TBA không chỉ cải thiện năng lực giao tiếp mà còn nâng cao thái độ học tập và tính tự chủ của SV.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 5

Sau 12 tuần triển khai TN dạy học TA theo TBA tại Trường Đại học Nông Lâm TP.HCM, có thể rút ra một số kết luận như sau:

Việc áp dụng cấu trúc dạy học theo TBA đã chứng minh được tính khả thi và hiệu quả trong dạy học TA không chuyên. Các giai đoạn trong cấu trúc được triển khai phù hợp với nội dung chương trình, giúp tăng mức độ chủ động, sáng tạo và tương tác của SV trong quá trình học tập.

Kết quả TN cho thấy SV nhóm TN có sự tiến bộ rõ rệt về điểm số và năng lực giao tiếp TA so với nhóm ĐC. Việc so sánh điểm trung bình qua ba lần kiểm tra và phân tích định tính từ phản hồi GV, bài làm của SV đã khẳng định tác động tích cực của TBA đối với việc cải thiện kỹ năng ngôn ngữ và thái độ học tập của SV.

Dù phạm vi TN còn hạn chế, các kết quả thu được có ý nghĩa thống kê và giá trị thực tiễn cao, góp phần khẳng định rằng cấu trúc dạy học theo TBA là một hướng đi phù hợp nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy TA tại các trường đại học hiện nay.

KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

1. Kết luận

Dạy học TA theo TBA hiện là xu hướng phổ biến tại nhiều quốc gia, nhằm đáp ứng yêu cầu thực tiễn và tăng tính cạnh tranh của SV trong thị trường lao động. Tổng quan nghiên cứu cho thấy TBA có nhiều ưu điểm vượt trội so với các tiếp cận khác, đặc biệt trong việc nâng cao năng lực giao tiếp và sự tự tin sử dụng ngôn ngữ đích của SV. Tuy nhiên, để đạt hiệu quả, cần có cấu trúc dạy học cụ thể nhằm giúp SV rèn luyện tư duy giải quyết vấn đề và kỹ năng sử dụng ngôn ngữ qua nhiệm vụ thực tiễn.

Luận án đã hệ thống hóa cơ sở lý luận về TBA, làm rõ các khái niệm, lý thuyết nền tảng và cấu trúc dạy học TA theo TBA, đồng thời xác định các thành tố cần thiết trong bối cảnh đại học. Trên cơ sở đó, khảo sát thực trạng tại ba trường đại học tại TP.HCM cho thấy còn nhiều hạn chế trong nhận thức của GV, PP giảng dạy, kiểm tra đánh giá và điều kiện hỗ trợ, từ đó cho thấy sự cần thiết phải đổi mới theo hướng phát huy vai trò trung tâm của SV.

Luận án đã đề xuất cấu trúc dạy học TA theo TBA phù hợp với đặc điểm và chuẩn đầu ra của môn học TA tổng quát, đồng thời minh họa nội dung chương trình có thể tích hợp dạy học theo TBA. Kết quả TN sư phạm và phản hồi từ GV, SV, chuyên gia đã xác nhận tính khả thi, hiệu quả và giá trị thực tiễn của cấu trúc này trong việc cải thiện năng lực TA của SV không chuyên tại các trường đại học.

2. Khuyến nghị

Từ những kết quả nghiên cứu đạt được, luận án khẳng định rằng việc vận dụng cấu trúc dạy học TA theo TBA là hướng đi đúng đắn, phù hợp với xu thế đổi mới giáo dục đại học hiện nay. Để phát huy hiệu quả và mở rộng phạm vi ứng dụng của mô hình này trong thực tiễn, cần có định hướng mang tính chiến lược và hệ thống trong tổ chức dạy học, bồi dưỡng GV, phát triển học liệu và nghiên cứu chuyên sâu về TBA trong bối cảnh Việt Nam.

Trước hết, việc nhân rộng mô hình TBA cần được triển khai ở quy mô rộng hơn, với nhiều nhóm đối tượng và cấp đào tạo khác nhau nhằm kiểm chứng tính ổn định, khả năng thích ứng và hiệu quả sư phạm của cấu trúc đã được đề xuất. Song song đó, cần phát triển chương trình và học liệu TA theo TBA, bảo đảm sự thống nhất giữa mục tiêu đầu ra, nội dung đào tạo và PP tổ chức dạy học. Việc ứng dụng công nghệ số trong thiết kế học liệu tương tác và hệ thống quản lý học tập sẽ giúp GV và SV có môi trường linh hoạt, tăng tính chủ động và hiệu quả trong quá trình dạy – học.

Về nhân tố con người, năng lực sư phạm của GV giữ vai trò quyết định đối với sự thành công của TBA. Do đó, các cơ sở đào tạo cần tăng cường bồi dưỡng chuyên môn và kỹ năng tổ chức nhiệm vụ học tập, khuyến khích GV chia sẻ kinh nghiệm, ứng dụng công nghệ và đổi mới đánh giá theo hướng phát triển năng lực người học. Bên cạnh đó, hệ thống kiểm tra – đánh giá cần được đổi mới theo hướng đánh giá năng lực giao tiếp thực tiễn, sử dụng kết hợp các công cụ định tính và định lượng để phản ánh chính xác tiến bộ của SV và phục vụ cải tiến chương trình.

Về phương diện nghiên cứu, cần tiếp tục mở rộng các nghiên cứu thực nghiệm nhằm làm rõ hiệu quả của TBA đối với từng kỹ năng ngôn ngữ, các yếu tố tâm lý – xã hội, cũng như tác động lâu dài của TBA đến năng lực sử dụng ngôn ngữ trong môi trường nghề nghiệp. Những hướng nghiên cứu này sẽ góp phần hoàn thiện mô hình dạy học TA theo TBA, đồng thời cung cấp cơ sở khoa học cho việc tích hợp TBA với các PP hiện đại khác trong điều kiện dạy học tại Việt Nam.

Tổng thể, các khuyến nghị của luận án hướng đến mục tiêu phát triển cấu trúc dạy học TA theo TBA trở thành một PP giảng dạy có hệ thống, có cơ sở khoa học và khả năng ứng dụng cao, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo ngoại ngữ và thúc đẩy đổi mới giáo dục đại học Việt Nam theo định hướng năng lực và chuyển đổi số.

CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ

- Nguyễn Đình Như Hà, Nguyễn Lộc & Trần Tuyền. (2021). Áp dụng tiếp cận dựa vào nhiệm vụ trong việc dạy học tiếng Anh. *Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam*, 17(47), 8-12.
- Nguyễn Đình Như Hà, Nguyễn Lộc & Trần Tuyền. (2021). Áp dụng mô hình tiếp cận dựa vào nhiệm vụ trong việc dạy kỹ năng nói tiếng Anh. *Tạp chí Khoa học Xã hội*, 17(1), 145-152.
<http://dx.doi.org/10.46223/HCMCOUJS.soci.vi.17.1.2002.2022>
- Nguyen, Dinh Nhu Ha, Nguyen, Loc, & Tran, Tuyen. (2021). Implementing task-based approach: A solution for teaching English speaking skills. In *Proceedings of the 18th International Conference of the Asia Association of Computer-Assisted Language Learning (AsiaCALL-2-2021)* (pp. 8–12). Atlantis Press. <https://doi.org/10.2991/assehr.k.211224.002>
- Nguyễn Đình Như Hà, Nguyễn Lộc & Trần Tuyền. (2023). Lí luận về các tiếp cận trong dạy học ngoại ngữ. *Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam*, 19(S1), 1-5. <https://doi.org/10.15625/2615-8957/12320101>
- Nguyễn Đình Như Hà, Nguyễn Lộc, Trần Tuyền. (2024). Dạy học tiếng Anh theo tiếp cận dựa vào nhiệm vụ tại trường Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh: Một nghiên cứu thực nghiệm. *Tạp chí Giáo dục*, 24(S1), 69-73.
- Tran Tuyen, Nguyen Dinh Nhu Ha, Nguyen Loc & Le Thi Thuy Trang. (2024). Exploring the relationship between ChatGPT and task-based approach: Opportunities and challenges. *Proceedings of the 20th International Conference of the Asia Association of Computer-Assisted Language Learning (AsiaCall2023)* (pp. 22-36). Atlantis Press. https://doi.org/10.2991/978-94-6463-396-2_3
- Nguyen Dinh Nhu Ha, Tran Tuyen, Nguyen Loc. (2025). Implementing a task-based approach to enhance speaking skills of non-English majors. *North American Journal of Psychology*, 27(2), 449-460.